TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện BC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện BC, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1389/2016/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2016 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 243/2017QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Phương T,** sinh năm:1992.

Địa chỉ: C5/3 ấp 3, xã BC, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: **Ông Đỗ Đ**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: A6/4 ấp 1, xã BC, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh

(bà T, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 29/11/2016 và bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị Phương T trình bày:

Bà Phan Thị Phương T và ông Đỗ Đ chung sống với nhau từ năm 2013, do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà T

đã cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng ông Đ không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Đ có 01 con chung tên Đỗ Minh T, sinh ngày: 01/6/2014, Sau khi khi ly hôn bà T xin được nuôi trẻ T và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Ông Đỗ Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Đỗ Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phan Thị Phương T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đỗ Đ. Ông Đỗ Đ hiện đang cư trú tại huyện BC. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Đỗ Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Đ theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phan Thị Phương T có đơn giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Đỗ Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Phan Thị Phương T và ông Đỗ Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Đỗ Đ tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Đỗ Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã BC, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Phương T và ông Đỗ Đ là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Hải không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông Đ bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau

vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa ông Đ cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Phương T với ông Đỗ Đ.

[6] Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 con chung tên Đỗ Minh T, sinh ngày: 01/6/2014. Sau khi ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ T đang sống chung với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Đỗ Minh T, sinh ngày: 01/6/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Phan Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Phương T với ông Đỗ Đ.

Bà Phan Thị Phương T được ly hôn với ông Đỗ Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã BC, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Phương T và ông Đỗ Đ có 01 con chung tên Đỗ Minh T, sinh ngày: 01/6/2014. Giao trẻ Đỗ Minh T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Phương T chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0021370 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC. Bà Phan Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương